



Số: **019353**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17443.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY – VỊ DÂU – VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 01/09/2020
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Streptococci faecal</i>	HD.PP.07.02/TT.VS [Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)]	< 1 CFU /mL	04/09/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16-09-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Th.s Phan Bích Hà



Số: 000723 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25705.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	HD.PP.01.01/TT.VS (AOAC 966.23) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
2	Coliforms	HD.PP.02.07/TT.VS (TCVN 6848:2007) (ISO 4832:2006) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
3	<i>Escherichia coli</i>	HD.PP.02.04/TT.VS (AOAC 991.14, TCVN 9975:2013) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
4	<i>Clostridium perfringens</i>	HD.PP.05.01/TT.VS (AOAC 976.30) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	HD.PP.03.02/TT.VS (AOAC 975.55) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08.01/TT.VS (Modify 3347/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
7	<i>Streptococcus faecalis</i>	HD.PP.07.01/TT.VS (Ref. 3351/QĐ-BYT ngày 31/7/2001) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	HD.PP.32.2/TT.VS (TCVN 8275-1:2010) (ISO 21527-1:2008) (b) (d)	< 1 CFU /mL	06/12/2019

Mã số mẫu: 25705.19

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000729 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25708.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09-01-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000728 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25709.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000727 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25710.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000726 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25711.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DẦU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	07/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000725 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25712.19

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	06/12/2019
2	Patulin	HD.PP.31/TT.SK:2019 (Ref. UCT 6103-03-01, 2014 & Ref. Food Analytical Methods, 2019, Vol 12, Issue 1, pp 76-93)	Không phát hiện MLOD = 2 µg/kg	13/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000724 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25713.19



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	06/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09-01-2020

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 000713 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25716.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	06/12/2019
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	06/12/2019
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/L	06/12/2019
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/L	13/12/2019
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	11/12/2019
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/L	06/12/2019
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/L	08/12/2019
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019

Mã số mẫu: 25716.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/L	08/12/2019
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/L	06/12/2019
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	11/12/2019
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/L	11/12/2019
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	11/12/2019
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019

Mã số mẫu: 25716.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/L	11/12/2019
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/L	06/12/2019
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/L	08/12/2019
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/L	08/12/2019
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/L	11/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh





Số: 000697 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25714.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DẦU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
2	Malathion	HD.PP.67/TT.SK (GC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
3	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
4	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/12/2019
5	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	06/12/2019
6	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
7	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	06/12/2019
8	Acetamiprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
9	Azoxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
10	Boscalid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,015 mg/kg	08/12/2019
11	Buprofezin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
12	Chlorothalonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	08/12/2019

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Cycloxydime	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
14	Cyflumetofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
15	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	06/12/2019
16	Dichlofluanid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	06/12/2019
17	Dinocap	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,03 mg/kg	08/12/2019
18	Fenamidone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
19	Fenarimol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
20	Fluopyram	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
21	Hexythiazox	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
22	Iprodione	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
23	Metrafenone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
24	Penthiopyrad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
25	Spirodiclofen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	06/12/2019
26	Sulfoxaflor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	08/12/2019
27	Methiocarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.33/TT.SK:2017 (LC/MS/MS) (Ref. AOAC 2007.01 & TCVN 9333:2012) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
28	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/12/2019
29	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
30	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
31	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
32	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
33	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	10/12/2019
34	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
35	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
36	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
37	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/12/2019

Mã số mẫu: 25714.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
39	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
40	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
41	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	08/12/2019
42	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
43	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	08/12/2019
44	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
45	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
46	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
47	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
48	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
49	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	08/12/2019
50	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09-01-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh





Số: 000698 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 25715.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DẦU - VINAMILK HERO
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-TCS-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 chai x 80 mL
Ngày nhận mẫu : 05/12/2019
Người gửi mẫu : Nguyễn Lưu Tiểu Long
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	09/12/2019
3	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
4	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	06/12/2019
5	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
6	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
7	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
8	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019
9	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
10	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	08/12/2019
11	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	06/12/2019
12	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	06/12/2019

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/12/2019
14	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/12/2019
15	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
16	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/12/2019
17	Tebufozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/12/2019
18	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	08/12/2019
19	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	06/12/2019
20	Aldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019
21	Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	06/12/2019

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 07/01/2020.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày09-01-2020

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample Code BN20010014 MM20010035	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 01 Ngày/Date : 20/01/2020
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : THỨC UỐNG SỮA TRÁI CÂY - VỊ DÂU - VINAMILK HERO (V-TCS-5)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 13/01/2020
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 17/01/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Bromide ion	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 2,0	CASE. MT. 0122 (Ref. Journal of Agricultural and Food Chemistry Vol. 42, No.5, 1994 (p. 1126-1131))(*)
2	Bromopropylate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
3	Captan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
4	Dimethomorph	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
5	Diphenylamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
6	Folpet	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH	CN CẦN THƠ	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM ☎ 18001105 ☎ (84.28) 3911 7216 ✉ casehcm@case.vn	F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ ☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218 ☎ (84.292) 3918219 ✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn	STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa ☎ (84.258) 246 5255 ☎ (84.258) 246 5355 ✉ vanphongmientrung@case.vn

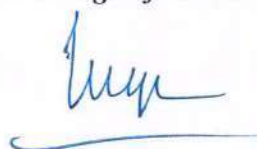
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Imazalil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
8	Meptyldinocap	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
9	Penthiopyrad	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (LC/MS/MS) (*)
10	Propargite	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)
11	Tolyfluanid	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111_GC/MS/MS (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Đình Hiệp

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Lý Tuấn Kiệt

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM ☎ 18001105 ☎ (84.28) 3911 7216 ✉ casehcm@case.vn	CN CẦN THƠ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, Cần Thơ ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218 ☎ (84.292) 3918 219 ✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn	VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG STH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa ☎ (84.258) 246 5255 ☎ (84.258) 246 5355 ✉ vanphongmienntrung@case.vn
---	---	--